

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 01/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu Khả thi của Dự án “Hệ thống Thông tin Quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng” sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 131/2006/NĐ-CP về ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn ODA;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục Dự án trong lĩnh vực ngân hàng yêu cầu Ngân hàng Thế giới tài trợ thời kỳ 2007-2010;

Căn cứ văn bản số 2142/TTg-QHQT ngày 5/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả đàm phán Hiệp định tài trợ và các văn kiện liên quan của Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Hiệp định tài trợ và Hiệp định đồng tài trợ của Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng” đã ký ngày 21/4/2009 tại Hà Nội giữa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ và đại diện của Ngân hàng Thế giới;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng”,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 01/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Phê duyệt Báo cáo



Handwritten signature

Nghiên cứu Khả thi của Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng” như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“1. Tên Dự án: Dự án Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa Ngân hàng (Tên tiếng Anh: Financial Sector Modernization and Information Management System Project)”.

2. Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“5. Mục tiêu tổng thể của Dự án:

Mục tiêu của Dự án là nhằm hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước Việt nam, Trung tâm Thông tin Tín dụng và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam nâng cao chất lượng thực hiện các chức năng chính của mình phù hợp với chuẩn quốc tế cho khu vực ngân hàng, thông qua việc (i) xây dựng một hệ thống tập trung, tích hợp các quy trình nghiệp vụ và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (ii) tăng cường năng lực thể chế để thực hiện tốt các hoạt động của mình”.

3. Bổ sung khoản 12 Điều 1 như sau:

“12. Kế hoạch đấu thầu của Dự án:

Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu của Dự án tại Phụ lục đính kèm Quyết định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án FSMIMS, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Thông tin Tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *sg*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Các Vụ, Cục thuộc NHNN;
- Trung tâm Thông tin Tín dụng;
- Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam;
- Lưu: VP, Ban FSMIMS.

**K. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



NGUYỄN TOÀN THẮNG



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU

Dự án Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hoá Ngân hàng vay vốn Ngân hàng Thế giới
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~17~~10 ngày 23/07/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. Đấu thầu dịch vụ tư vấn

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (Tháng/Năm)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng (Tháng/Năm)	
		(triệu USD)					Bắt đầu	Kết thúc
	1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Trung tâm Thông tin Tín dụng	5,932						
ST1	Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN	5,160	ODA vay từ IDA và tài trợ không hoàn lại từ nguồn PHRD	Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chất lượng và chi phí (QCBS)	07/2009	Trọn gói	02/2010	06/2014
ST2	Nhóm chuyên gia quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng	0,145	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn chuyên gia tư vấn cá nhân	06/2012	Trọn gói	12/2012	06/2014

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (Tháng/Năm)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng (Tháng/Năm)	
		(triệu USD)					Bắt đầu	Kết thúc
ST3	Xác nhận của bên thứ ba về hệ thống	0,165	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chất lượng (QBS)	12/2011	Trọn gói	12/2012	06/2014
ST4	Hỗ trợ Ban QLDA	0,165	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn chuyên gia tư vấn cá nhân	11/2008	Trọn gói	01/2009	06/2014
ST5	Chuyên gia mua sắm, đấu thầu	0,132	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn chuyên gia tư vấn cá nhân	11/2008	Trọn gói	01/2009	12/2013
ST6	Kiểm toán viên Dự án	0,165	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn tư vấn có chi phí thấp nhất (LCS)	10/2009	Trọn gói	01/2010	03/2015
	2. Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam	0,820						
DT1	Tăng cường chức năng và quy trình nghiệp vụ của DIV	0,820	ODA vay từ IDA	Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở chất lượng và chi phí (QCBS)	07/2009	Trọn gói	02/2010	06/2014
	Tổng cộng Phần I	6,752						

II. Đấu thầu mua sắm hàng hóa

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (Tháng/Năm)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng (Tháng/Năm)	
		(triệu USD)					Bắt đầu	Kết thúc
	1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	32,462						
SG1	Thiết bị nhỏ cho NHNN và CIC (phần cứng, truyền thông, máy tính cá nhân, các máy chủ nhỏ, v.v...)	14,868	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế một giai đoạn (Single – stage ICB)	12/2009	Trộn gói	06/2010	06/2012
SG2	Tích hợp hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2, 578	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế một giai đoạn (Single – stage ICB)	12/2010	Trộn gói	06/2011	06/2014
SG3	Kế toán NHNN và quản lý nguồn tài nguyên (ứng dụng kế toán lõi, ERP, module quản lý văn bản, các chuẩn IT, các máy chủ lõi)	10,848	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi - Đấu thầu cạnh tranh quốc tế hai giai đoạn (2 – stage ICB)	03/2011	Trộn gói	12/2011	06/2013



Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (Tháng/Năm)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng (Tháng/Năm)	
		(triệu USD)					Bắt đầu	Kết thúc
SG4	Quản lý dữ liệu cho NHNN (kho lưu trữ dữ liệu lõi và các ứng dụng liên quan)	4,058	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế hai giai đoạn (2 – stage ICB)	03/2011	Trộn gói	12/2011	12/2013
SG5	Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	0,057	ODA vay từ IDA	Đấu thầu trong nước	08/2009	Trộn gói	01/2010	06/2011
SG6	Xe ô-tô cho Ban QLDA FSMIMS	0,048	ODA vay từ IDA	Chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá	01/2010	Trộn gói	06/2010	09/2010
SG7	Nâng cấp phần mềm hệ thống kế toán cho PMU	0,005	ODA từ IDA	Mua sắm trực tiếp	12/2008	Trộn gói	03/2009	06/2009
	2. Trung tâm Thông tin Tín dụng	7,478						
CG1	Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho lưu trữ dữ liệu lõi, các ứng dụng liên quan)	7,478	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế hai giai đoạn (2 – stage ICB)	12/2010	Trộn gói	06/2011	06/2014

Mã số	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (Tháng/Năm)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng (Tháng/Năm)	
		(triệu USD)					Bắt đầu	Kết thúc
	3. Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam	13,308						
DG1	Các ứng dụng quản lý dữ liệu và tài nguyên cho DIV (các máy chủ chính, kho lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng liên quan và ERP)	13,308	ODA vay từ IDA	Đấu thầu rộng rãi- Đấu thầu cạnh tranh quốc tế hai giai đoạn (2 – stage ICB)	12/2010	Trọn gói	06/2011	06/2014
	Tổng cộng Phần II	53,248						
	TỔNG CỘNG (Phần I và Phần II)	60,000						

Ghi chú:

- PMU thực hiện các gói thầu từ ST1 đến ST6; từ SG1 đến SG7; và CG1.
- PIU thực hiện các gói thầu DT1 và DG1.
- Giá gói thầu đã bao gồm chi phí dự phòng (về giá và số lượng) được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư, dự toán được duyệt.